C – MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý TRONG VIỆC GIẢNG DẠY CÁC PHÂN MÔN

I – PHÂN MÔN VĂN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH VÀ SGK NGỮ VĂN THCS

Những gì thuộc về quan điểm, ý nghĩa, nội dung, tác dụng của Chương trình, kể cả phần nào là mô hình SGK được xây dựng theo quan điểm *tích hợp* đã được trình bày trong các phần trên. Ở đây xin được nói cụ thể thêm một số vấn đề riêng về Văn học trong Ngữ văn – tích hợp đó.

1. Vấn đề chú thích văn bản

Xuất phát từ ý thức đòi hỏi HS hiểu kĩ, hiểu sâu hơn chữ nghĩa trong văn bản để có cơ sở hiểu sâu văn bản, SGK Ngữ văn chủ trương tăng cường việc chú thích so với SGK chỉnh lí (1995), mặc dù chú thích thế nào cho tốt nhất, hợp lí nhất đối với HS THCS vẫn là điều còn phải tiếp tục suy nghĩ, bàn bạc. Khi chú thích, ít nhiều có chú ý đến mối liên quan giữa nội dung chú thích với nội dung được dạy ở phần Tiếng Việt (nhất là dạy *từ*) trong phạm vi mà bản thân việc tích hợp vừa cho phép, vừa đòi hỏi. Điều này, dĩ nhiên không thể áp dụng máy móc ở bộ phận văn học dân gian (vì lời phần lớn là của người sau kể lại) và văn học dịch.

2. Vấn đề đọc – hiểu văn bản

Đây là điều quan trọng và trực tiếp nhằm giúp HS đạt kết quả học văn trong mục tiêu Ngữ văn – tích hợp nói chung khi học một văn bản tác phẩm. Kết quả "văn" đó phải là những gì bản chất nhất trong nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. Cách làm chủ yếu vẫn là bằng hình thức nêu câu hỏi hướng dẫn nhưng nhấn mạnh phương châm đề cao công việc hoạt động của HS nhằm tìm hiểu văn

bản theo ba hướng : *đọc – hiểu ; suy nghĩ – vận dụng ; liên tưởng – tích luỹ* của phương pháp dạy học hiện đại. Ở đây, cần nhấn mạnh một số điểm như sau :

a) Cần coi trọng yêu cầu HS đọc kĩ văn bản và chú thích để nhớ nội dung văn bản và nghĩa của các từ khó. Trong SGK tích hợp, đây là hoạt động được đặt ra ở hầu hết mọi bài học. Sở dĩ làm như thế là để tránh tình trạng HS tuỳ tiện, coi thường yêu cầu này.

b) Trong các hình thức hỏi, có một số câu có hình thức mới so với SGK chỉnh lí trước đây. Đó là loại câu hỏi được thể hiện bằng hình thức yêu cầu HS lập sơ đồ, hoặc lựa chọn một kết luận đúng trong một bảng liệt kê gồm nhiều giả thiết. Loại hình câu hỏi này có tác dụng không nhỏ trong việc rèn luyện tư duy, thao tác học tập cho HS, dù còn là bước đầu và đơn giản. Tham khảo SGK của một số nước, thấy rõ loại hình câu hỏi này rất được coi trọng và thường có sự kết hợp với kênh hình nên càng có tác dụng.

c) Ở hệ thống câu hỏi được nêu lên trong các bài học, SGK tích hợp này còn muốn thể hiện (mặc dù chưa hoàn toàn triệt để) quan điểm tích hợp, ở đây là sử dụng kiến thức tiếng Việt, tập làm văn để nâng cao chất lượng hiểu văn trong tác phẩm.

d) Vì các câu hỏi đều mang tính chất "hướng dẫn hoạt động" nên thường dài hơn các câu hỏi trong các SGK trước đây.

đ) Trong hệ thống câu hỏi hướng dẫn *Đọc – hiểu văn bản*, SGK Ngữ văn tích hợp chủ trương phân hoá ít nhiều về mức độ yêu cầu đối với hai loại đối tượng HS : trung bình và khá, giỏi. GV cần chú ý thực hiện việc phân hoá đó và cần có cách xử lí thoả đáng sự phân hoá này trong kiểm tra, thi cử. Có thể phân hoá trong kiểm tra bình thường mà không phân hoá trong thi học kì và cuối năm bằng cách không ra đề ở nội dung nâng cao.

e) Cùng với hệ thống câu hỏi hướng dẫn *Đọc – hiểu văn bản*, có loại câu hỏi yêu cầu HS *luyện tập* mà nói chung là thiên về yêu cầu rèn luyện các kĩ năng : tư duy, thực hành, ứng dụng, ...

g) Bên cạnh các văn bản được giảng tại lớp, có một số văn bản, tuy cũng được chú thích và hướng dẫn kĩ lưỡng, song dành cho HS tự học ở nhà. Nếu cần, GV có thể nhấn mạnh một vài trọng điểm để gợi ý thêm. Cần nhắc HS là các văn bản này hoàn toàn có thể nằm trong phạm vi nội dung của các đề kiểm tra và đề thi, kể cả các đề thi cuối cấp.

3. Vấn đề cung cấp kiến thức lí luận văn học và kiến thức văn học sử

a) SGK chỉnh lí trước đây đã nâng mức yêu cầu cung cấp kiến thức lí luận văn học cho HS THCS so với trước bằng cách có thêm bài học : *Sơ lược về một số thể loại văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX*. SGK tích hợp tiếp thu việc nâng cao lí luận đó, nhưng thực hiện bằng cách khác do tính chất tích hợp quy định. Cụ thể là :

– Với những khái niệm về thể loại thì bố trí học theo kiểu phân tán và lần lượt lồng vào các cụm bài thuộc từng thể loại. Lồng bằng ba cách : *Một là*, ngay ở văn bản đầu tiên của một cụm bài thể loại, ở phần *Chú thích*, chú thích đầu tiên được đánh dấu sao (★) là dành cho việc giới thuyết thể loại đó. *Hai là*, trong khi học văn bản cụ thể thuộc thể loại nào thì chú ý hướng dẫn, yêu cầu HS dựa vào lí thuyết đã học để nhận diện thể loại của văn bản cụ thể đó ở mức độ cần thiết. *Ba là*, trong các giờ ôn tập ở từng phần, ở cuối năm học đều có chú ý ôn tập về các khái niệm thể loại.

Các kiến thức lí luận khác cũng lần lượt được lồng vào các bài học cụ thể một cách hợp lí, vừa tầm và không quên sự phối hợp, lợi dụng những kiến thức lí luận mà phần Tập làm văn, kể cả phần Tiếng Việt đã cung cấp. Loại kiến thức này cũng được chú ý ở khâu ôn tập.

b) SGK chỉnh lí đã nâng cao yêu cầu kiến thức văn học sử Việt Nam so với trước bằng cách đưa vào sách các bài khái quát như : *Mấy vấn đề sơ lược về văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX ; Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 ; Văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945*. SGK Ngữ văn mới vừa do tính chất tích hợp quy định, vừa phải đáp ứng yêu cầu vừa sức nói chung, sẽ thực hiện yêu cầu văn học sử theo một hình thức khác và với một mức độ có phần nhẹ hơn so với SGK chỉnh lí. Cụ thể là :

– Trong vòng I (lớp 6, 7), tuy không có bài khái quát văn học sử Việt Nam nào, nhưng trong việc giảng dạy theo cụm bài thể loại, ít nhiều vẫn có sự chuẩn bị cho HS những kiến thức về tác phẩm theo trình tự văn học sử. Ví dụ, ở lớp 6 là trình tự từ *truyện dân gian* (bao gồm các thể loại : truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười) đến *truyện trung đại, truyện hiện đại, thơ hiện đại, kí hiện đại*. Ở đây, tuy có xen vào một số văn bản tác phẩm nước ngoài, nhưng về sau, vẫn có thể tách chúng ra khi cần tổng kết về văn học sử Việt Nam.

– Trong vòng II (lớp 8, 9), vẫn không có những bài khái quát như SGK chỉnh lí, nhưng việc giảng dạy văn bản tác phẩm vẫn được tiến hành theo thể loại và

theo trình tự văn học sử Việt Nam (dĩ nhiên vẫn có sự đan xen văn bản tác phẩm nước ngoài như đã có ở vòng I). Như vậy, có thể dựa vào vốn kiến thức tác phẩm đã có qua hai vòng (vừa theo hệ thống thể loại vừa theo trình tự lịch sử), tiến hành việc khái quát chung về văn học sử Việt Nam theo phương pháp quy nạp, với mức độ hợp lí.

– Trong các bài ôn tập, cùng với việc củng cố nhận thức về các khái niệm lí luận văn học, cũng có thể có phần khái quát sơ bộ về một số vấn đề của văn học sử.

4. Vấn đề *Ghi nhớ* và *Đọc thêm*

a) *Ghi nhớ* : Có lẽ với SGK Ngữ văn tích hợp này, lần đầu tiên ở nước ta mới có phần *Ghi nhớ* đặt sau phần *Đọc – hiểu văn bản*, mặc dù ở nhiều nước thì đây không phải là chuyện mới lạ. Phần *Ghi nhớ* có ở cả ba phân môn : Văn học, Tiếng Việt, Tập làm văn. Riêng ở phân môn Văn học, phần *Ghi nhớ* nhằm khắc sâu vào tâm trí HS những điểm cơ bản nhất, bản chất nhất sau khi học một văn bản tác phẩm, trong đó, có điểm thuộc nội dung, có điểm thuộc hình thức nghệ thuật vốn có quan hệ vừa gắn bó, vừa tách biệt. Có thể có người e ngại rằng : SGK nêu phần *Ghi nhớ* thì coi như đã áp sẵn vào đầu HS những kết luận cuối cùng mà đáng lẽ các em phải tự tìm lấy dưới sự hướng dẫn của thầy giáo trong giờ học. Điều e ngại đó, quả có căn cứ nhất định. Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng : trong thực tế, nếu không qua việc giảng dạy, hướng dẫn đọc – hiểu văn bản của GV ở lớp thì dù HS có đọc trước phần *Ghi nhớ* cũng không cảm biết được gì đáng kể về những điều mà *Ghi nhớ* cung cấp.

b) *Đọc thêm* : SGK cũ và SGK chỉnh lí cũng có phần *Đọc thêm* như SGK tích hợp nhưng có sự khác nhau nhất định. Với SGK cũ và chỉnh lí, phần *Đọc thêm* cung cấp thêm tác phẩm và có *Hướng dẫn đọc thêm*. Nhưng thực tế, số đông HS đã không đọc thêm do phần này quá nhiều, lại không liên quan gì đến chuyện kiểm tra, thi cử. Với SGK tích hợp, nội dung *Đọc thêm* không chỉ là tác phẩm văn học hoặc đoạn trích mà còn có thể là kiến thức đa dạng khác có thể bổ trợ mặt này, mặt khác cho việc nâng cao nhận thức văn bản tác phẩm được học ở mức gọn nhẹ và hấp dẫn, phù hợp với HS THCS. Tuy không phải là phần bắt buộc song GV cần luôn động viên, khuyến khích HS đọc phần này và có thể ra những bài tập buộc HS phải tham khảo tư liệu đó.

II – PHÂN MÔN TIẾNG VIỆT TRONG CHƯƠNG TRÌNH VÀ SGK NGỮ VĂN THCS

1. Tính tích hợp (đặc điểm về nội dung)

a) *Tích hợp theo chiều dọc*

Tích hợp theo chiều dọc nghĩa là tích hợp ở một đơn vị kiến thức và kĩ năng mới những kiến thức và kĩ năng đã học trước đó theo nguyên tắc đồng trục (còn gọi là vòng tròn đồng tâm hay vòng tròn xoáy trôn ốc), cụ thể là kiến thức và kĩ năng hình thành ở bài học, lớp học, bậc học sau bao hàm kiến thức và kĩ năng ở bài học, lớp học, bậc học trước, nhưng cao hơn, sâu hơn trước.

Ví dụ dễ thấy nhất là nguyên tắc lựa chọn và sắp xếp hệ thống bài đọc : Bộ sách Tiếng Việt Tiểu học tổ chức hệ thống bài đọc, bài học theo chủ điểm nhằm dắt dẫn HS đi dần vào các lĩnh vực của đời sống, qua đó tăng cường vốn từ, vốn diễn đạt của các em về nhà trường, gia đình và xã hội, đồng thời cũng mở cánh cửa cho các em bước vào thế giới xung quanh và soi vào thế giới tâm hồn của chính mình. Ở bậc THCS, các văn bản được lựa chọn và sắp xếp theo thể loại nhằm trang bị cho HS kiến thức về phương thức diễn đạt của văn bản, qua đó hình thành ở các em khả năng tiếp nhận các thể loại văn bản khác nhau. Tới bậc THPT, các văn bản được dạy gắn với lịch sử văn học nhằm trang bị cho HS những hiểu biết có tính hệ thống về tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam và một số tác phẩm văn học nước ngoài tiêu biểu.

Một ví dụ dễ thấy nữa là kiến thức về thành phần câu. Ở bậc Tiểu học, HS mới chỉ học về hai thành phần chính là *chủ ngữ, vị ngữ* và thành phần phụ *trạng ngữ*. Đến bậc THCS, các em vừa được nâng cao hiểu biết về chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ, vừa học về các thành phần độc lập của câu như *khởi ngữ, hô ngữ, phụ chú ngữ* và *tình thái ngữ*.

Các kĩ năng giao tiếp cũng được đòi hỏi cao dần về mức độ, chẳng hạn : từ yêu cầu đọc trơn nâng lên đọc thầm, rồi đọc lướt nắm ý ; từ yêu cầu giao tiếp đơn giản nâng lên yêu cầu giao tiếp chính thức, ...

b) *Tích hợp theo chiều ngang*

Tích hợp theo chiều ngang là tích hợp kiến thức tiếng Việt với các mảng kiến thức về văn học, thiên nhiên, con người và xã hội theo nguyên tắc đồng quy.

Trong bộ SGK Ngữ văn THCS, sự tích hợp Tiếng Việt với Văn học và Tập làm văn thể hiện ở cả việc lựa chọn nội dung lẫn sắp xếp, khai thác nội dung kiến thức Việt ngữ học. Ví dụ :

– Về việc lựa chọn nội dung :

+ Ở Ngữ văn 6, sách chọn dạy các kiểu câu phục vụ việc tiếp nhận và tạo lập các văn bản tự sự, miêu tả (câu trần thuật có vị ngữ là động từ, câu trần thuật có vị ngữ là tính từ, câu trần thuật có từ *là*).

+ Sách Ngữ văn 7 chọn dạy các kiểu câu phục vụ việc tiếp nhận và tạo lập các văn bản nghị luận (câu có trạng ngữ, câu có thành phần là cụm chủ – vị, câu bị động, câu phức, ...).

+ Đến lớp 8 và lớp 9, sách dạy về lí thuyết hội thoại nhằm giúp HS nắm được ngôn ngữ văn bản kịch tốt hơn.

– Về việc sắp xếp nội dung : Bộ sách Ngữ văn THCS chú ý sắp xếp nội dung theo kiểu xen kẽ các vấn đề về *từ, câu* và *văn bản*, coi trọng sự liên kết theo chiều ngang với Văn học và Tập làm văn hơn là hệ thống kiến thức "hàn lâm" ngôn ngữ học.

– Về việc khai thác nội dung : Phần Tiếng Việt trong bộ SGK Ngữ văn tận dụng mọi cơ hội có thể có để phục vụ việc học Văn học và Tập làm văn. Chẳng hạn, khi dạy về các kiểu câu trần thuật, sách Ngữ văn 6 đã trình bày các biện pháp giới thiệu nhân vật mở đầu văn bản nhằm giúp HS có thêm điều kiện hình thành kĩ năng tạo lập các loại văn bản tự sự và miêu tả. Chẳng hạn :

+ Giới thiệu nhân vật chính ngay từ đầu : *Ngày xưa, ở miền đất Lạc Việt, cứ như bây giờ là Bắc Bộ nước ta, có một vị thần thuộc nòi rồng, con trai thần Long Nữ, tên là Lạc Long Quân.*

+ Giới thiệu nhân vật phụ trước, nhân vật chính sau : *Tục truyền đời Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng có hai vợ chồng ông lão rất chăm chỉ làm ăn và có tiếng là phúc đức. Hai ông bà ao ước có một đứa con. Một hôm bà ra đồng thấy một vết chân rất to, liền đặt bàn chân mình lên ướm thử để xem thua kém bao nhiêu. Không ngờ về nhà bà thụ thai và mười hai tháng sau sinh một bé trai mặt mũi rất khôi ngô.*

+ Giới thiệu đồng thời nêu hoạt động, đặc điểm của nhân vật chính : *Xưa có một người thợ mộc dốc hết vốn trong nhà ra mua gỗ để làm nghề đẽo cày.*

2. Tính tích cực (đặc điểm về phương pháp)

a) *Nguyên tắc chung*

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới Chương trình và SGK lần này là đổi mới phương pháp dạy và học. SGK Ngữ văn đã cố gắng tạo điều kiện

để GV và HS thực hiện phương pháp tích cực hoá hoạt động của người học, trong đó GV đóng vai trò người tổ chức hoạt động của HS ; mỗi HS đều được hoạt động, đều được bộc lộ mình và được phát triển.

Trong SGK Ngữ văn, bên cạnh các bài tập rèn luyện kĩ năng nói, viết được thực hiện chủ yếu qua phân môn Tập làm văn, yêu cầu tích cực hoá hoạt động của HS được thể hiện thông qua một số biện pháp tổ chức bài học và luyện tập, ví dụ :

– Các kết luận trong mỗi bài học đều được HS tự rút ra trên cơ sở phân tích ngữ liệu dưới sự dắt dẫn của GV.

– Các bài tập đều đòi hỏi HS phải suy nghĩ ; hạn chế đến mức thấp nhất những câu hỏi mà khi trả lời, HS chỉ cần nhắc lại nguyên văn từng câu, từng đoạn trong bài học.

b) *Các biện pháp dạy học chủ yếu*

** Tổ chức các hoạt động học tập của HS*

– Nội dung hoạt động

+ Hoạt động đầu tiên được thực hiện ở mỗi tiết học Tiếng Việt là phân tích mẫu.

Mẫu ở đây được hiểu là ngữ liệu điển hình (từ, câu, đoạn văn) được trích chủ yếu từ các văn bản HS vừa học ở phân môn Văn học. Các mẫu này được lựa chọn theo phương châm càng gọn và càng thể hiện được đầy đủ đặc điểm của hiện tượng hoặc đơn vị ngôn ngữ dạy trong tiết học càng tốt.

Việc tổ chức hoạt động phân tích mẫu diễn ra theo trình tự các câu hỏi hoặc lệnh nêu trong SGK.

Sau khi HS phân tích mẫu, GV giúp các em rút ra những kết luận cơ bản nhất nêu trong phần *Ghi nhớ*. Cũng có khi, GV không cần chờ HS trả lời xong tất cả các câu hỏi hoặc thực hiện xong tất cả các lệnh mới rút ra kết luận, mà có thể hướng dẫn các em rút ra kết luận sau mỗi lần trả lời một câu hỏi hoặc thực hiện một lệnh nhất định.

+ Hoạt động thứ hai thường được thực hiện trong tiết học Tiếng Việt là hoạt động thực hành – thực hành nhận diện hoặc phân tích giá trị biểu hiện của các hiện tượng, các đơn vị ngôn ngữ ; thực hành dùng từ, đặt câu, dựng đoạn hoặc chữa các lỗi về từ, câu và đoạn.

+ Một hoạt động nữa đặc trưng cho lao động trí óc nói chung và lao động trong nhà trường nói riêng là trao đổi, thuyết trình. GV cần chú ý khuyến khích

HS thảo luận, tranh luận và thực hiện hoạt động này theo tất cả các chiều quan hệ : thầy → trò, trò → thầy, trò → trò ; khắc phục tình trạng suốt giờ học chỉ có thầy hỏi, trò trả lời đơn điệu và thiếu dân chủ.

– Hình thức hoạt động

Có ba hình thức tổ chức hoạt động phổ biến là :

+ Làm việc độc lập ;

+ Làm việc theo nhóm ;

+ Làm việc theo lớp.

Chọn hình thức hoạt động nào là do GV căn cứ vào yêu cầu cụ thể của hoạt động phân tích mẫu và các bài tập thực hành cụ thể. Thông thường, khi gặp những bài tập phân tích mẫu và thực hành có yêu cầu thống kê, phân tích ngữ liệu rất cụ thể, GV nên để mỗi HS làm việc độc lập ; còn khi gặp những câu hỏi có tính khái quát, tổng hợp thì nên tổ chức hoạt động theo nhóm HS.

** Giảng bài*

Phương pháp dạy học phát huy tính tích cực của HS không loại trừ hoạt động giảng bài của GV. Có những lúc GV cũng cần giải thích cách làm cho HS hoặc tổng kết, phát triển các ý trong bài, liên hệ các bài học với nhau và liên hệ bài học với thực tế để nâng HS lên tầm nhận thức mới.

** Kiểm tra, đánh giá*

Nội dung hoạt động kiểm tra, đánh giá bao gồm :

– Kiểm tra, đánh giá hằng ngày :

+ Kiểm tra bài cũ ;

+ Kiểm tra, đánh giá kết quả làm việc trên lớp.

– Kiểm tra, đánh giá cuối học kì, cuối năm học.

Về hình thức tổ chức, có hai loại kiểm tra, đánh giá là :

– Kiểm tra, đánh giá của thầy đối với trò ;

– Hoạt động tự kiểm tra, đánh giá của HS.

GV cần căn cứ vào yêu cầu cụ thể của công việc mà định hình thức, nhưng nhất thiết phải khắc phục tình trạng chỉ có một hình thức kiểm tra, đánh giá đơn điệu từ đầu đến cuối năm học.

III – PHÂN MÔN TẬP LÀM VĂN TRONG CHƯƠNG TRÌNH VÀ SGK NGỮ VĂN THCS

1. Trong Chương trình Ngữ văn THCS tích hợp, phân môn Tập làm văn đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp các tri thức cơ bản về các kiểu văn bản, hình thành các kĩ năng nói (kể chuyện, tóm tắt), hiểu khái quát về văn bản và bố cục chung của nó. Bản thân hoạt động tập làm văn là một hoạt động tích hợp, tích hợp tri thức văn bản đọc – hiểu và tiếng Việt vào việc tạo lập các văn bản mới.

So với nội dung Chương trình Tập làm văn trước đây, Chương trình Ngữ văn THCS này có nội dung phong phú hơn. Ngoài các loại văn bản tự sự, miêu tả, nghị luận, hành chính – công vụ, còn có thêm loại văn bản biểu cảm và thuyết minh. Nội hàm các loại văn bản cũng có chỗ khác. *Văn bản tự sự* bao gồm cả tường thuật, bản tin, tường trình. *Văn bản biểu cảm* rộng hơn kiểu bài phát biểu cảm nghĩ trước đây. Nếu trước đây loại phát biểu cảm nghĩ chỉ dành cho tác phẩm văn học, nhân vật văn học, thì nay chủ yếu dành cho người và việc thực, hoặc phong cảnh non sông, đất nước, v.v... *Văn bản thuyết minh* là loại văn bản trình bày, giới thiệu các sự vật, hiện tượng khách quan trong đời sống, như thuyết minh một loài vật, loài cây, một hiện tượng tự nhiên, một dụng cụ, một phương pháp, một danh lam thắng cảnh của đất nước. Đây là loại văn bản rèn luyện phương pháp trình bày tri thức một cách khách quan, khoa học, dựa trên cơ sở tìm hiểu, quan sát, ... nhằm nâng cao năng lực tư duy và biểu đạt khoa học cho HS. *Văn nghị luận* sẽ chú trọng tới nghị luận xã hội nhiều hơn, nhằm hướng suy nghĩ của HS vào các vấn đề của đời sống xung quanh.

Cách phân chia thành sáu loại như trên nhằm giúp cho HS dễ tiếp cận ở lớp 6, lớp 7. Sang vòng II, ở lớp 8, lớp 9, các loại văn bản trên sẽ được học theo lối kết hợp, chẳng hạn : tự sự gắn với miêu tả, trữ tình ; biểu cảm gắn với miêu tả, nghị luận ; nghị luận kết hợp với thuyết minh, biểu cảm, ... làm cho HS có năng lực viết văn tự nhiên, linh hoạt, phù hợp với nhu cầu biểu đạt của mình.

Do hệ thống văn bản đọc – hiểu "chiếu cố" đặc điểm của văn học sử (chẳng hạn, lớp 6 nặng về văn bản văn học dân gian, văn học trung đại, ...) cho nên để thuận tiện cho việc học Tập làm văn, SGK phải cung cấp nhiều văn bản phụ, chủ yếu là văn bản ngắn và gần gũi với yêu cầu tập làm văn của các em. Các câu hỏi gợi mở cho HS tìm hiểu văn bản, tiến đến thực hành nói và viết. Cách ra đề tập làm văn trong sách này cũng có phần đổi mới, tính khái quát cao hơn, kiểu loại cũng đa dạng hơn.

Trong SGK lớp 6, phần văn bản tự sự được soạn súc tích hơn. Tuy không đặt riêng kiểu bài "trần thuật" mà nội dung là rèn luyện kĩ năng kể lại, nhưng kiểu

văn bản tự sự đã sử dụng các hình thức luyện tập tóm tắt và kể lại. Các văn bản tự sự và miêu tả được bố trí giờ nhiều hơn, gần như cả một học kì cho một kiểu văn bản, do vậy mà cơ hội học và luyện tập được kĩ càng hơn. Việc đưa bài tự sự (kể chuyện) trước học ở lớp 7, nay chuyển xuống lớp 6 thoạt nhìn có cảm giác khó cho lớp 6, nhưng HS lớp 4, lớp 5 đã học về kể chuyện do vậy không quá sức đối với HS. Tập làm văn tự sự ở lớp 6 cung cấp các kiến thức về nhân vật, sự việc, bố cục, lời văn, đoạn văn, ngôi kể, thứ tự kể, tự sự đời thường, tự sự tưởng tượng sáng tạo. Các kiến thức đó, một mặt tạo điều kiện cho HS có thể nắm được nhiều khả năng biến hoá của tự sự, mặt khác cũng tác động ngược trở lại, giúp HS học tốt phần đọc – hiểu các văn bản tự sự trong chương trình Ngữ văn 6.

2. Chương trình Tập làm văn *đặt trọng tâm ở thực hành* : xây dựng bài qua thực hành, thực hành nhận biết và thực hành làm văn bản. Chương trình chú trọng phần luyện nói (hoạt động ngữ văn, thi kể chuyện, làm thơ bốn chữ, năm chữ). Mục đích của những tiết này là tạo điều kiện cho HS thói quen bạo dạn phát biểu miệng trước tập thể. Mỗi lớp (năm học) có 6 bài viết ở lớp nên hạn chế dung lượng mỗi bài làm không quá 400 chữ. Tiết trả bài gồm những yêu cầu tổng hợp : lập ý, dàn bài, sửa lỗi ngữ pháp, dùng từ và chính tả. Cuối học kì và cuối năm có bài kiểm tra chung mang tính tích hợp.

3. *Điểm mới và điểm khó* : Điểm mới và khó thứ nhất là SGK *chú trọng cả lí thuyết lẫn thực hành*. Tuy không yêu cầu HS thuộc lí thuyết, song GV phải nắm vững để hướng dẫn thực hành cho đúng. Điểm mới và khó thứ hai là *phương pháp dạy thực hành*. Tuy SGK đã đưa nhiều câu hỏi và tình huống hoạt động song GV vẫn phải tự mình nghiên cứu kĩ, có thể bổ sung, điều chỉnh câu hỏi phụ để đưa HS vào trạng thái hoạt động.

SGK cung cấp nhiều dạng bài tập và trong chừng mực nào đó có thêm phần *Đọc thêm* với mục đích cung cấp kiến thức bổ trợ. Đối với bài tập, nên phân bố hợp lí bài làm ở lớp và bài làm ở nhà. Đối với bài luyện tập, phần lớn nên giải quyết ngay ở lớp.

GV nên nghiên cứu kĩ nội dung phần *Ghi nhớ*, nhằm vào đó mà khai thác các bài tập, sao cho mọi câu hỏi bài tập đều hướng cho HS nắm chắc các điều ghi nhớ, sau đó là thực hành nói và viết.